TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ DĨ AN** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 99/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 24-6-2022
V/v Tranh chấp ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Hải Nam.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Kim Uyên;
2. Bà Nguyễn Thị Thu Vân.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Phạm Thị Trung Hiếu – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Trần Văn Luân – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 89/2022/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 02 năm 2022 về việc "Tranh chấp ly hôn, nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 85/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 5 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 50/2022/QĐST-HNGĐ ngày 30 tháng 5 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Dương Thị T, sinh năm 1980; HKTT: Đường ĐT, khu phố T, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt, có yêu cầu xét xử vắng mặt.

2. Bị đơn: Ông Ngô Văn A, sinh năm 1976; HKTT: Đường ĐT, khu phố T, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện nộp ngày 25/01/2022, quá trình tham gia tố tụng nguyên đơn bà Dương Thị T trình bày:*

Bà T và ông A chung sống với nhau từ năm 1999 hôn nhân tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 20/11/1999 tại Uỷ ban nhân dân xã H, huyện H, tỉnh T.

Trong quá trình chung sống thời gian đầu thì hạnh phúc, yêu thương nhau, cùng nhau làm ăn phát triển kinh tế gia đình. Tuy nhiên, đến hiện nay vợ chồng

thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, gây gổ, cãi vã do bất đồng quan điểm sống. Vợ chồng sống không có tình cảm, không còn hạnh phúc. Nay, bà T thấy vợ chồng không thể tiếp tục chung sống được nữa, mục đích hôn nhân không đạt được, nên làm đơn xin ly hôn với ông Ngô Văn A.

Quá trình chung sống bà T và ông A có 02 người con chung tên Ngô Tuấn A, sinh năm 2000 và Ngô Tuấn T, sinh ngày 31/10/2008. Bà Dương Thị T nhận trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng con chung tên Ngô Tuấn T, sinh ngày 31/10/2008 không yêu cầu ông Ngô Văn A thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng cho việc nuôi con chung. Đối với con chung tên Ngô Tuấn A, sinh năm 2000 đã thành niên nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

Bà T không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung, nợ chung.

Ngoài ra, bà T không có yêu cầu khác, không cung cấp chứng cứ gì thêm.

** Đối với bị đơn ông Ngô Văn A:* Tòa án đã tống đạt thông báo thụ lý vụ án, triệu tập hợp lệ để yêu cầu ông Ngô Văn A cung cấp bản tự khai, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải vào ngày 04/5/2022 nhưng bị đơn từ chối nhận văn bản và vắng mặt không có lý do nên vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được theo quy định tại Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án đã tống đạt hợp lệ văn bản tố tụng yêu cầu bị đơn tham gia phiên tòa vào các ngày 30/5/2022 và ngày 24/6/2022 nhưng bị đơn từ chối nhận văn bản và vắng mặt không có lý do và không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không cung cấp tài liệu chứng cứ cho Tòa án. Quá trình xác minh, bị đơn ông A có đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa chỉ: Đường ĐT, khu phố T, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương và hiện vẫn sinh sống tại địa chỉ trên.

** Tại Bản tự khai ngày 15/4/2022 cháu Ngô Tuấn T khai như sau:* Hiện nay Tòa án đang giải quyết ly hôn giữa bố mẹ con, trong trường hợp bố mẹ không sống cùng nhau thì con muốn được sống cùng mẹ Dương Thị T.

** Tại biên bản xác minh nguyên nhân mâu thuẫn giữa bà T và ông A do Tòa án tiến hành ngày 23/3/2022, chính quyền địa phương cung cấp thông tin như sau:*

Quá trình bà Dương Thị T và ông Ngô Văn A sinh sống tại địa phương chính quyền không nhận được đơn thư hay trình báo gì về việc bà T và ông A có xảy ra mâu thuẫn trong gia đình. Nên chính quyền địa phương không biết được mâu thuẫn giữa vợ chồng bà T và ông A là gì cũng như công việc, thu nhập của họ nên không cung cấp thông tin được cho Tòa án.

** Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương có ý kiến:*

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục được pháp luật quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã chấp hành đúng

pháp luật tố tụng, đã thực hiện các quyền và nghĩa vụ theo quy định. Bị đơn không chấp hành pháp luật tố tụng. Không kiến nghị khắc phục, bổ sung về thủ tục tố tụng. Quan hệ pháp luật là: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ các tài liệu có tại hồ sơ vụ án đã được Hội đồng xét xử làm rõ tại phiên tòa nhận thấy mâu thuẫn trong quan hệ hôn nhân giữa bà T và ông A là trầm trọng, không hàn gắn đoàn tụ được nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Dương Thị T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Nguyên đơn bà T khởi kiện tranh chấp ly hôn, nuôi con đối với bị đơn ông Ngô Văn A, sinh năm 1976 có hộ khẩu thường trú tại Đường ĐT, khu phố T, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương nên căn cứ theo quy định tại các Điều 28, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền thụ lý, giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương; quan hệ pháp luật tranh chấp là "Tranh chấp ly hôn, nuôi con".

[1.2] Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn bà Dương Thị T vắng mặt có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt; bị đơn ông Ngô Văn A đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa vào các ngày 30/5/2022 và ngày 24/6/2022 nhưng vắng mặt không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn theo quy định tại khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] *Về quan hệ hôn nhân*: Bà Dương Thị T và ông Ngô Văn A chung sống với nhau từ năm 1999, hôn nhân tự nguyện, có đăng ký kết tại Uỷ ban nhân dân xã H, huyện H, tỉnh T theo Giấy chứng nhận kết hôn số 57 ngày 20/11/1999. Như vậy, hôn nhân giữa bà T và ông A là hợp pháp, được pháp luật thừa nhận.

Bà T trình bày trong quá trình chung sống thời gian đầu thì hạnh phúc, yêu thương nhau, cùng nhau làm ăn phát triển kinh tế gia đình. Tuy nhiên, đến hiện nay vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, gây gổ, cãi vã do bất đồng quan điểm sống. Vợ chồng sống không có tình cảm, không còn hạnh phúc. Nay, bà T thấy vợ chồng không thể tiếp tục chung sống được nữa, mục đích hôn nhân không đạt được, nên làm đơn xin ly hôn với ông Ngô Văn A.

Sau khi Tòa án thụ lý vụ án, đã tiến hành triệu tập nguyên đơn, bị đơn đến làm việc, hòa giải nhằm mục đích hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng nguyên đơn kiên quyết xin ly hôn và có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt; bị đơn từ chối nhận văn bản tố tụng của Tòa án và không có mặt theo triệu tập của Tòa án.

Xét thấy mục đích của hôn nhân là nhằm xây dựng gia đình no ấm, bình đẳng, hạnh phúc. Để đạt được mục đích, vợ chồng phải quan tâm, quý trọng,

thương yêu, chăm sóc, giúp đỡ và tạo điều kiện cho nhau phát triển về mọi mặt. Từ việc nguyên đơn có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt; bị đơn không tham gia hòa giải đoàn tụ để hàn gắn quan hệ hôn nhân đã thể hiện bà T và ông A không có thiện chí hòa giải đoàn tụ với nhau; hai bên cũng không đưa ra được giải pháp hàn gắn tình cảm vợ chồng để xây dựng gia đình hạnh phúc. Do đó, Hội đồng xét xử nhận thấy có đủ cơ sở để xác định tình trạng hôn nhân của bà T, ông A đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên việc bà T yêu cầu ly hôn với ông A là có cơ sở chấp nhận theo quy định tại Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[2.2] *Về con chung:* Quá trình chung sống bà T và ông A có 02 người con chung tên Ngô Tuấn A, sinh năm 2000 và Ngô Tuấn T, sinh ngày 31/10/2008. Bà Dương Thị T nhận trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng con chung tên Ngô Tuấn T, sinh ngày 31/10/2008 không yêu cầu ông Ngô Văn A thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng cho việc nuôi con chung. Đối với con chung tên Ngô Tuấn A, sinh năm 2000 đã thành niên nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

Việc giao con cho ai nuôi cần phải xem xét về mọi mặt của con chưa thành niên. Trong suốt quá trình tố tụng mặc dù đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản có nêu rõ yêu cầu của nguyên đơn về vấn đề này cho bị đơn nhưng bị đơn không có ý kiến gì; mặt khác yêu cầu của nguyên đơn phù hợp với nguyện vọng của cháu Ngô Tuấn T tại Bản tự khai ngày 15/4/2022. Do đó, Hội đồng xét xử nhận thấy việc giao con chung cho bà T trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng là đảm bảo quyền lợi mọi mặt của các con, phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. Nguyên đơn bà T không yêu cầu ông A cấp dưỡng nuôi con là tự nguyện của đương sự nên ghi nhận.

Đối với con chung tên Ngô Tuấn A, sinh năm 2000 đã thành niên, các đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[2.3] *Về tài sản chung, nợ chung*: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát về nội dung vụ án, các thủ tục tố tụng, quá trình tiến hành tố tụng cũng như diễn biến tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp quy định của pháp luật.

[4] Về án phí: Nguyên đơn bà T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 235, 238, 266, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào các Điều 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình;

- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Dương Thị T đối với ông Ngô Văn A về việc: Tranh chấp ly hôn, nuôi con.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Dương Thị T được ly hôn với ông Ngô Văn A (theo Giấy chứng nhận kết hôn số 57 do Uỷ ban nhân dân xã H, huyện H, tỉnh T cấp ngày 20/11/1999).

1.2. Về con chung: Ông Ngô Văn A giao con chung tên Ngô Tuấn T, sinh ngày 31/10/2008 cho bà Dương Thị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của bà Dương Thị T về việc không yêu cầu ông Ngô Văn A cấp dưỡng nuôi con chung.

Bà Dương Thị T và ông Ngô Văn A đều có quyền và nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, giáo dục con chung theo quy định của pháp luật. Người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích của con chưa thành niên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con khi có đơn yêu cầu.

Đối với con chung tên Ngô Tuấn A, sinh năm 2000 đã thành niên, các đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

1.3. Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không tranh chấp, không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

2. Về án phí: Bà Dương Thị T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm mà bà T đã nộp theo biên lai thu số 0003487 ngày 21 tháng 02 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

3. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Dĩ An;
- CCTHADS thành phố Dĩ An;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Trần Hải Nam